

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 10/2023/HS - ST

Ngày: 21/02/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và ông Trần Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2023/TLST - HS ngày 06/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST - HS ngày 08/02/2023 đối với bị cáo:

Trần Văn T sinh năm 1976; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị tạm giữ, tạm giam: Thôn Nội x, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Đặng Thị V (đã chết); vợ: Nguyễn Thị M và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Ngày 26/6/2019 TAND thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày 19/5/2021 chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án.

Tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: - Ngày 15/02/2008 Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”.

- Ngày 03/9/2015 TAND thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 10/9/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Nội x, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 01/9/2022; khi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS) 90B2-432.44 đến đoạn đường thuộc tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo Trần Văn T bị Lực lượng Công an huyện B phối hợp cùng Công an thị trấn B yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra bị cáo T đã tự giác lấy trong túi quần phía trước bên phải đang mặc ra 02 gói đều được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục giao nộp cho lực lượng Công an và khai nhận đó là Heroine cất giữ để sử dụng. Trên cơ sở lời khai ban đầu của đối tượng, lực lượng Công an đã đưa Trần Văn T đến trụ sở UBND thị trấn B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng là 02 gói đều được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT và tạm giữ của Trình 01 xe mô tô BKS 90B2-432.44.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn T tại thôn Nội x, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam và đã thu giữ:

- Tại phòng ngủ phía Nam tầng 2 theo hướng cầu thang từ tầng 1 đi lên của ngôi nhà Trần Văn T đang ở:

+ Thu giữ tại khe cửa sổ: 01 lọ nhựa màu nâu có nắp xoáy nhựa màu đen, trên thân lọ có dán giấy màu đỏ trắng ghi dòng chữ “*THÔNG ĐÓ TRƯỜNG THỌ*”, bên trong lọ chứa 17 gói được gói ngoài bằng giấy ni lông màu đen, bên trong mỗi gói đều được gói lại bằng giấy tờ lịch, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 gói được gói ngoài bằng giấy ni lông màu trắng, bên trong được gói lại bằng giấy tờ lịch, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, được niêm phong ký hiệu KX01.

+ Thu giữ tại ngăn kéo kệ gỗ phía trên bên phải kê trong phòng ngủ: 01 túi ni lông màu trắng được hàn kín tại các mép, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu KX02.

+ Thu giữ tại túi áo ngực phía trước áo bó ở trong phòng ngủ: Số tiền 1.960.000 đồng, được niêm phong ký hiệu KX03.

- Tại phòng ngủ phía Bắc tầng 2 theo hướng cầu thang từ tầng 1 đi lên của ngôi nhà Trần Văn T đang ở: Thu giữ tại khe cửa sổ 01 lọ nhựa màu nâu có nắp xoáy nhựa màu đen, trên thân lọ có dán giấy màu đỏ trắng có ghi dòng chữ “*THÔNG ĐÓ TRƯỜNG THỌ*”, bên trong chứa 29 gói được gói ngoài bằng giấy ni lông màu đen, bên trong mỗi gói được gói lại bằng giấy tờ lịch, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 gói được gói ngoài bằng giấy ni lông

màu xanh, bên trong được gói lại bằng giấy tờ lịch, bên trong cùng chứa chất bột màu trắng dạng cục, được niêm phong ký hiệu KX04.

Ngày 01/9/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chất bột màu trắng dạng cục bên trong 02 gói được niêm phong ký hiệu QT; chất bột màu trắng dạng cục bên trong 17 gói được niêm phong ký hiệu KX01; chất tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni lông màu trắng được niêm phong trong ký hiệu KX02; chất bột màu trắng dạng cục bên trong 29 gói được niêm phong ký hiệu KX04 để xác định loại, khối lượng chất ma túy. Tại Bản kết luận giám định số 473/KL-KTHS ngày 06/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“- Mẫu bột màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu QT gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,232g (Không thấy hai trăm ba mươi hai gam) loại: Heroine.

- Mẫu bột màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu KX01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,887g (Không thấy tám trăm tám mươi bảy gam) loại: Heroine.

- Mẫu tinh thể trong phong bì ký hiệu KX02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,149g (Không thấy một trăm bốn mươi chín gam) loại: Methamphetamine.

- Mẫu bột màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu KX04 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,590g (Một phẩy năm trăm chín mươi gam) loại: Heroine”.

Quá trình điều tra Trần Văn T khai nhận: Nguồn gốc số ma túy bị cáo tàng trữ là do bị cáo mua tại một đoạn đường thuộc địa bàn thành phố P, tỉnh Hà Nam của một người thanh niên không quen biết với giá 4.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo mang về nhà chia nhỏ thành các gói và cất giấu với mục đích để sử dụng do bị cáo nghiện ma túy.

Ngày 22/9/2022, chị Nguyễn Thị M là vợ bị cáo T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 90B2-432.44 (Bản chính) mang tên chủ xe Trần Văn T - sinh năm 1976, địa chỉ: Đ, Đ, B, Hà Nam. Ngày 01/12/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B định giá đối với chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 07/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: *“Trị giá của 01 (một) chiếc xe máy màu sơn: Vàng Đen Bạc, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE, đeo BKS: 90B2-432.44, số khung: 1255FY222956; số máy: HC12E7222997, xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 14/6/2016 là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng)”.*

Tại Cáo trạng số 07/CT - VKS - MT ngày 05/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Trần Văn T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu sung ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44; trả lại chị M ½ giá trị chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44. Chấp nhận đề nghị của chị M, buộc chị M nộp sung ngân sách nhà nước 2.500.000 đồng; trả lại chị M chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44. Trả lại bị cáo T 980.000 đồng trong tổng số 1.960.000 đồng đã thu giữ nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự. Trả lại chị M 980.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; trả lại vợ bị cáo là chị M chiếc xe mô tô và số tiền đã bị tạm giữ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị là vợ bị cáo T. Chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44 bị cáo T dùng đi mua ma túy và số tiền 1.980.000 đồng mà Công an thu giữ là tài sản chung của vợ chồng. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và xin được lấy lại chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44, chị sẽ nộp tiền để lấy lại chiếc xe theo quyết định của Tòa án; đối với số tiền Công an thu giữ, chị đề nghị được trả lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hành vi tàng trữ trái phép 2,709 gam Heroine và 0,149 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng của bị cáo Trần Văn T bị lực lượng Công an huyện B bắt quả tang và thu giữ khi khám xét khẩn cấp vào ngày 01/9/2022 đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đối với tổng khối lượng các chất ma túy mà Trần Văn T cất giữ để sử dụng là: 2,709 gam Heroine + 0,149 gam Methamphetamine = 2,858 gam, dưới 05 gam so với mức tối thiểu quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Căn cứ quy định tại Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; vi phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian chưa được xoá án tích do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử xét cũng xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình và lượng ma túy bị cáo tàng trữ để quyết định mức hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét tại biên bản xác minh tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xác định bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Xét số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Về tài sản tạm giữ là chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44 mà bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, tài liệu có trong hồ sơ đã xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và chị M; chị M không biết T sử dụng chiếc xe đi mua ma túy do vậy cần tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe để sung ngân sách nhà nước. Chấp nhận đề nghị của chị M; trả lại chị M chiếc xe và buộc chị M nộp tiền tương ứng $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 2.500.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Đối với 1.960.000 đồng, tài liệu có trong hồ sơ đã xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và chị M; không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy cần trả lại cho bị cáo và chị M, mỗi người 980.000 đồng nhưng giữ lại số tiền trả lại bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[8] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án: Tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ để xác định được nguồn gốc số ma túy, đối tượng bán ma túy cho bị cáo T để xem xét, xử lý.

Quá trình điều tra Trần Văn T khai nhận ngày 30/8/2022 tại nhà ở của mình thuộc thôn Nội x, xã Đ huyện B; sau khi chia nhỏ cục Heroine và sử dụng 01 gói Heroine bằng hình thức hít vào cơ thể, T không nhớ đã vứt bỏ chiếc dao lam, chiếc bật lửa và mảnh giấy bạc ở đâu, do vậy không có căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Quá trình điều tra Trần Văn T khai nhận ngày 30/8/2022 sau khi mua được ma túy mang về nhà ở, T đã chia nhỏ cục ma túy Heroine thành 51 gói nhỏ và sử dụng hết 01 gói Heroine bằng hình thức hít vào cơ thể. Ngoài lời khai của T thì

không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xử lý đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn T.

Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 01/9/2022, chị M không biết việc T sử dụng chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44 để đi mua và cất giữ trái phép các chất ma túy Heroine, Methamphetamine tại phòng ngủ trong nhà ở thuộc thôn Nội x, xã Đ, huyện B, do vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn T **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (ngày 01/9/2022).

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 04 phong bì niêm phong đều có số 473/KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam.

Về tài sản tạm giữ: Tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô BKS 90B2-432.44 tương ứng 2.500.000 đồng. Trả lại chị Nguyễn Thị M chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 90B2-432.44, số khung: RLHHC1255FY222956; số máy HC12E-7222997 (kèm theo 01 chìa khóa xe). Buộc chị Nguyễn Thị M nộp sung ngân sách nhà nước 2.500.000 đồng.

Trả lại chị Nguyễn Thị M 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 075182 ngày 09/4/2017 của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Hà Nam đối với xe mô tô BKS 90B2-432.44 mang tên chủ xe Trần Văn T - sinh năm 1976, địa chỉ: Đ, Đ, B, Hà Nam. (*Giấy chứng nhận đăng ký xe đang lưu trong hồ sơ, được chuyển cùng bản án đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện B*)

Trả lại bị cáo Trần Văn T 980.000 đồng trong tổng số 1.960.00 đồng bị tạm giữ nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự. Trả lại chị Nguyễn Thị M 980.000 đồng.

Vật chứng và tài sản tạm giữ được xác định theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/01/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và Ủy nhiệm chỉ ngày 06/01/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai; báo cho bị cáo, chị M biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)